

Bản án số: 54/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 27-9-2024  
V/v: Xin ly hôn H - G

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đào Thị Xuân Quỳnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Ngô Văn Sang và ông Nguyễn Đức Thắng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Nhật Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 86/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024 về việc xin ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1988; Địa chỉ: khu Y, phường Y, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

- *Bị đơn:* Anh **Vũ Đình G**, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

*(chị H đơn xin xét xử vắng mặt, anh G vắng mặt lần 2 không có lý do)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các đơn đề nghị và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Đình G kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/12/2014. Sau khi kết hôn chị H và anh G cùng chung sống ở gia đình nhà chồng tại thôn D, xã T, huyện T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến được hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị H thì nguyên nhân do khác biệt về suy nghĩ, lối sống và cách sinh hoạt dẫn đến việc anh chị có mâu thuẫn với nhau. Mâu thuẫn trở lên trầm trọng từ cuối năm 2015 dẫn đến vợ chồng sống ly thân, chị H đã về nhà mẹ đẻ ở tỉnh Quảng Ninh sinh sống còn anh G vẫn làm ăn sinh sống tại địa phương. Từ lúc ly thân đến nay vợ chồng không quan tâm, liên lạc với nhau. Đến nay, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, chị H làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy giải quyết cho chị được ly hôn anh

Vũ Đình G.

Về con chung: Chị và anh G không có con chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị H trình bày anh chị không có nợ chung, không có tài sản chung và chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Vũ Đình G nhiều lần, tuy nhiên anh G không đến Tòa án làm việc. Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy đã tiến hành tổng đạt trực tiếp và hợp lệ theo quy định của pháp luật các văn bản tố tụng cho anh G ở gia đình tại thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình, anh G đã biết được nội dung của những văn bản của Tòa án tuy nhiên không đến Tòa án làm việc. Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại biên bản xác minh ngày 22/7/2024, Ủy ban nhân dân xã T, huyện T cùng đại diện cơ sở thôn cung cấp như sau:

Anh Vũ Đình G, sinh ngày 01/7/1986 có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình, số căn cước công dân là 034086021289 do do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 19/12/2021 được xác định là bị đơn trong vụ án xin ly hôn với chị Nguyễn Thị H mà Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy đang thụ lý giải quyết. Hiện nay anh G vẫn đang sinh sống và lao động tại địa phương nhưng anh G làm nghề đi tàu chở hàng nên anh G thường vắng mặt một thời gian ngắn lại trở về. Anh G đã biết được thông tin chị H xin ly hôn tại Tòa án tuy nhiên lý do vì sao anh G không lên Tòa án làm việc địa phương không nắm được. Anh G và chị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 01/12/2014, sau khi kết hôn có chung sống tại địa phương được khoảng một năm thì ly thân. Vợ chồng anh G chị H không có con chung, về tài sản chung và nợ chung địa phương không nắm được, tuy nhiên không có cá nhân, tổ chức nào phản ánh đến địa phương về nợ chung của chị H và anh G. Địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh G mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ, biết việc chị H xin ly hôn anh; được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án nhưng anh không trình bày ý kiến, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Vũ Đình G; Về quan hệ con chung: Anh chị không có con chung, không đặt ra giải quyết; Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa cả căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không thay đổi nơi cư trú vì vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Vũ Đình G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh G kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 31, quyển số 01 ngày 01/12/2014. Tại thời điểm kết hôn, anh chị đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị H là do vợ chồng không cùng suy nghĩ, cách sống với nhau. Mâu thuẫn trở nên trầm trọng vào năm 2015, chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở tỉnh Quảng Ninh sinh sống còn anh G vẫn sinh sống và làm việc tại xã T, từ đó đến nay anh chị không hỏi han nhau cũng không có biện pháp gì để hàn gắn quan hệ hôn nhân. Hiện nay, cả hai đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Chị H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, chị kiên quyết xin được ly hôn anh G. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành gửi các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật cho anh G, anh G đã biết được việc chị H xin ly hôn anh nhưng anh không đưa ra quan điểm, nguyện vọng giải quyết hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị H, không đến Tòa án làm việc để trình bày quan điểm cũng như tìm các biện pháp để hòa giải vợ chồng thể hiện việc anh G không tha thiết với việc hàn gắn tình cảm gia đình. Qua xác minh tại địa phương nơi chị H và anh G cùng sinh sống trước khi ly thân xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa hai bên là có thật, có tình trạng vợ chồng mâu thuẫn và ly thân từ năm 2015. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa H và anh G đã ở mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H để vợ chồng đoàn tụ cũng không thành và sẽ làm cho mâu thuẫn thêm trầm trọng, chị H cương quyết xin ly hôn, cần xử cho chị H được ly hôn anh G là phù hợp với thực tế và quy định tại khoản 1 điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Chị H và anh G không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết về tài sản, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về quan hệ tài sản.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị H và anh G có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Vũ Đình G.

**2. Về con chung:** Không đặt ra giải quyết.

**3. Về tài sản chung:** Không đặt ra giải quyết.

**4. Về án phí:** Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000đ chị H đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004174 ngày 21/6/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thi hành án phí.

**5. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- UBND xã Thụy Duyên;
- Lưu HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Thị Xuân Quỳnh**